

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm ở nước ta hiện vẫn còn là mối lo ngại lớn của nhiều người, nhất là người tiêu dùng bởi tình trạng lạm dụng hóa chất trong phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp an toàn vẫn còn, mặc dù từ nhiều năm qua Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các quy trình sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt như VietGAP, GlobalGAP, song sự tin tưởng về sản phẩm an toàn theo GAP vẫn chưa thuyết phục... Vì sao vậy? Phải chăng trong tiêu chuẩn sản xuất vẫn còn được dùng phân vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật khi cần thiết, nên nông dân thực hiện chưa tốt hoặc thiếu chuỗi giám sát chất lượng sản phẩm.

Để giải quyết vấn đề sản xuất nông nghiệp an toàn và tạo niềm tin cho mọi người thì sản xuất nông nghiệp cần phải theo hướng hữu cơ, bởi vì nông nghiệp hữu cơ là hệ thống sản xuất không dùng hóa chất, mục tiêu là duy trì sức khỏe cho đất, hệ sinh thái và sức khỏe cho người sản xuất. Nông nghiệp hữu cơ dựa vào quá trình sinh thái, đa dạng sinh học và quá trình phát triển tự nhiên phù hợp với từng điều kiện của địa phương. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ chính là sản xuất truyền thống kết hợp đổi mới các tiến bộ kỹ thuật mới có lợi cho các sinh vật, con người và môi trường trên cơ sở chia sẻ và thúc đẩy các mối quan hệ công bằng nhằm hướng tới cuộc sống tốt, đảm bảo chất lượng cho tất cả các bên có liên quan (người sản xuất, nhà bán lẻ, người tiêu dùng...).

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong trồng trọt bao gồm rau, quả, chè... hữu cơ, là cách lựa chọn tốt nhất của người tiêu dùng hiện nay. Ở các nước đang phát triển, sản phẩm trồng trọt hữu cơ mới chỉ chiếm một phần nhỏ trong nông nghiệp sạch, an toàn, nhưng sản xuất nông nghiệp hữu cơ đã và đang hứa hẹn sự tăng trưởng nhanh trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Để giúp cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, nhà nông sản xuất và người tiêu dùng hiểu biết rõ khái niệm về sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở nước ta, chúng tôi biên soạn chuyên đề **“Sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam”**. Nhóm tác giả gồm:

1- GS. TS Phạm Thị Thùy, Phó Chủ tịch Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Khoa học và Hợp tác là Chủ biên.

2- Th.s Phạm Kim Oanh, Trung tâm Khoa học và Hợp tác, Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam.

Với mong muốn và tâm huyết để có một nền nông nghiệp hữu cơ thực sự cho đất nước, các tác giả đã tập hợp các tài liệu về VietGap và nông nghiệp hữu cơ để biên soạn chuyên đề này, tập trung chủ yếu về trồng trọt. Hy vọng rằng chuyên đề này sẽ giúp cho các cán bộ lãnh đạo trong ngành nông nghiệp, cán bộ kỹ thuật về khuyến nông và bảo vệ thực vật hiểu biết để hướng chỉ đạo, giúp nông dân và doanh nghiệp áp dụng vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Đây là tài liệu mới nên chắc chắn sẽ không tránh khỏi thiếu sót, rất mong bạn đọc góp ý để lần tái bản tới được hoàn thiện hơn. Xin trân trọng cảm ơn.

Ban biên tập

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở VIỆT NAM

GS. TS Phạm Thị Thùy
Th.s Phạm Kim Oanh

Chương 1

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT (GOOD AGRICUTURAL PRACTICE - GAP)

1.1. Các loại thực hành nông nghiệp tốt - GAP

Cho đến nay vấn đề an toàn thực phẩm vẫn còn là mối lo chung của toàn xã hội nhất là người tiêu dùng vì sự tồn dư hoá chất bảo vệ thực vật trong thực phẩm còn cao. Thực tế tình trạng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật nhiều quá mức cần thiết liên tục xảy ra ở một số địa phương, điều này đã ảnh hưởng lâu dài tới môi trường sống của con người, vật nuôi, nguồn nước ngầm và đất đai. Phân tích về thức ăn chăn nuôi công nghiệp, kết quả cho thấy hàm lượng độc tố và thức ăn nhiễm các vi sinh vật gây bệnh cũng như hàm lượng kim loại nặng như chì, đồng, kẽm trong thức ăn chăn nuôi cao hơn mức quy định từ 1,8 đến 5,6 lần. Điều này đã gây tồn dư hóa chất và làm ảnh hưởng đến tính an toàn của vật nuôi. Chính vì vậy mà từ năm 2000 đến nay nền nông nghiệp nước ta đã tiếp cận và thực hiện các kiểu thực hành nông nghiệp tốt Good Agricultural Practice như EuropGAP, GlobalGAP, AseanGAP, VietGAP, ThaiGAP, MalayGAP...

Vậy GAP là gì và sự khác biệt của các GAP với khái niệm NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ như thế nào? Để nhận biết được những điểm khác biệt giữa sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn GAP và tiêu chuẩn hữu cơ, trước hết chúng ta phải tìm hiểu khái niệm sơ bộ về sự ra đời của GAP, các tiêu chuẩn để sản xuất nông nghiệp theo EuropGAP, GlobalGAP, AseanGAP, VietGAP.

1.1.1. EuropGAP (*Europ. Good Agricultural Practice*)

EuropGAP là thực hành nông nghiệp tốt ở Châu Âu, xuất hiện đầu tiên vào năm 1997 và được áp dụng cho các nhóm cây thực phẩm như rau, quả, thịt, cá, trứng, sữa... Đây là các loại thực phẩm dễ bị vi khuẩn tấn công gây hại. Châu Âu bao gồm các nước có nền công, nông nghiệp phát triển, do vậy các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) được đặt ra khá chặt chẽ và nghiêm khắc. Các chỉ tiêu về VSATTP đã được kiểm soát và được đánh giá rất cẩn thận. Cho nên sự ra đời của EuropGAP là nhu cầu tất yếu để sản xuất nông nghiệp của khu vực châu Âu.

Ngày 7 tháng 9 năm 2007, EuropGAP đã được đổi tên thành GlobalGAP áp dụng cho tất cả các nước trên toàn thế giới, điều đó phản ánh rõ phạm vi ảnh hưởng của EuropGAP trên toàn cầu.

1.1.2. GlobalGAP (*Global Good Agricultural Practice*)

GlobalGAP là thực hành nông nghiệp tốt trên toàn cầu do một tổ chức tư nhân, một nhóm các siêu thị ở Châu Âu xây dựng. Mục đích của GlobalGAP là làm tăng sự tin tưởng của khách hàng đối với thực phẩm an toàn, thông qua người sản xuất đã thực hành nông nghiệp tốt. Trọng tâm của GlobalGAP là an toàn thực phẩm và truy

xuất nguồn gốc, bên cạnh đó cũng đề cập đến các vấn đề khác như an toàn về sức khỏe, phúc lợi cho người lao động và bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên địch có ích.

GlobalGAP là một tiêu chuẩn về việc cấp chứng nhận cho các quá trình sản xuất từ khi hạt giống được gieo trồng đến khi sản phẩm được xuất khỏi trang trại. Đây là một bộ tiêu chuẩn được xây dựng để áp dụng tự nguyện cho sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản) trên toàn cầu. Bộ tiêu chuẩn GlobalGAP là công cụ kết nối giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa nhà sản xuất với người cung ứng nông sản thực phẩm, vì thế nó không hướng tới việc gắn nhãn trên sản phẩm dành cho người tiêu dùng, mà quan tâm tới sản lượng và địa điểm sản xuất.

Cho đến nay GlobalGAP đã xây dựng được các tiêu chuẩn cho rau và trái cây, cây trồng xen, hoa và cây cảnh, cà phê, chè, thịt lợn, gia cầm, gia súc và cừu, bơ sữa và thủy sản (Cá Hồi). Các sản phẩm khác đang được nghiên cứu, điều đó có thể hiểu rằng EuropGAP khi được nhiều châu lục áp dụng thì trở thành GlobalGAP. Như vậy nếu sản phẩm được công nhận theo tiêu chuẩn của EuropGAP thì rất dễ dàng lưu hành ở mọi thị trường trên thế giới.

Về cơ bản EuropGAP và GlobalGAP không có gì khác nhau, tuy nhiên cũng có một số ngoại lệ khi áp dụng trong phạm vi GlobalGAP. Vì có thể nước Nhật hay nước Mỹ có một vài qui định khắt khe như về dư lượng thuốc hóa học, hoặc về khía cạnh tôn giáo, tập quán hay thói quen của một số tộc người hay quốc gia nào đó không phù hợp với tiêu chuẩn của EuropGAP, nhưng đó chỉ là những tiêu chuẩn thứ yếu mà thôi.

1.1.3. AseanGAP (Asean Good Agricultural Practice)

AseanGAP là một bộ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt trong cả quá trình sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch đối với rau quả tươi ở các nước trong khu vực ASEAN. AseanGAP được ra đời từ năm 2006 do Ban thư ký của tổ chức ASEAN xây dựng với đại diện các nước thành viên. Theo các chuyên gia nhận định thì thị trường xuất, nhập khẩu nông sản trên thế giới đang được kiểm soát từ những đại siêu thị, những tập đoàn đa quốc gia với các tiêu chuẩn rất cao về chất lượng sản phẩm, cũng như vệ sinh an toàn thực phẩm. ASEAN đã công bố các tiêu chuẩn trong bản quy trình GAP chung cho các nước thành viên.

Mục tiêu của AseanGAP là tăng cường hài hòa các chương trình GAP quốc gia cho các nước thành viên trong khu vực ASEAN, đề cao sản phẩm rau, quả an toàn cho người tiêu dùng, duy trì các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy thương mại rau, quả trong khu vực và quốc tế.

Nội dung của AseanGAP gồm 4 phần chính:

- An toàn thực phẩm
- Quản lý môi trường
- Sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi cho người sản xuất
- Chất lượng sản phẩm

Hạn chế lớn nhất của AseanGAP là mới chỉ đưa ra các tiêu chuẩn cho các rau quả tươi, nó không bao gồm các sản phẩm có độ rủi ro cao trong thực phẩm an toàn như sản phẩm được cất lát, đây là tiêu chuẩn mới trong khu vực và quốc tế. AseanGAP không phải là tiêu chuẩn để chứng nhận cho các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm biến đổi gen...

1.1.4. VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practice)

VietGAP là thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam được xây dựng dựa trên 4 tiêu chuẩn: Kỹ thuật sản xuất, an toàn thực phẩm, môi trường làm việc và truy tìm nguồn gốc của sản phẩm. Bốn tiêu chuẩn này là tập hợp dựa trên những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm. VietGAP chính là áp dụng các biện pháp kỹ thuật để sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm sạch và an toàn, đặc biệt là các sản phẩm về rau, quả tươi.

Trước khi VietGAP ra đời, nước ta đã có rất nhiều chương trình sản xuất nông sản an toàn đối với rau, quả, cây trồng làm đồ uống. Nhiều địa phương, các quy định đó đã được xây dựng thành quy trình để phổ biến cho nông dân thực hiện. Trên thực tế vẫn chưa có đơn vị nào theo dõi kiểm tra và có trách nhiệm cấp chứng nhận kịp thời, hoặc đưa ra chính sách khuyến khích cho người sản xuất, nên phong trào sản xuất nông sản sạch, an toàn thực chất vẫn chưa được phát triển rộng rãi và quan tâm thích đáng.

Năm 2004, Hiệp hội Trái cây Việt Nam tham gia vào một dự án có tên “Tăng cường năng lực cạnh tranh” (VNCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp VN - VCCI chủ trì và đã tổ chức một chuyến thăm chương trình liên kết Mỹ – Thái đang thực hiện EuropGAP, thăm “Liên kết GAP miền Tây Thái Lan”. Cũng năm đó, Hiệp hội Trái cây VN cùng với Hội Làm vườn và VCCI tổ chức hội thảo giới thiệu về GAP (EuropGAP) tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau hội thảo này, liên kết GAP sông Tiền bao gồm 6 tỉnh có trái cây đã được thành lập, hoạt động rất gắn bó và đã đem lại những kết quả đáng khích lệ năm 2005. Cũng năm đó, Tổ chức Thị trường quốc tế (IMO) đã tổ chức chứng nhận GAP cho một số cơ sở sản xuất rau, cà phê ở Đà Lạt. Tiếp theo đó là các đơn vị sản xuất quả Thanh Long ở Bình Thuận, ngư trường tôm ở miền Tây cũng lần lượt được công nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn GAP.

Do nắm bắt được tầm quan trọng và tính bức xúc để có “GAP” cho Việt Nam nên chi nhánh Hội Làm vườn Việt Nam đã đệ trình 1 bản tường trình với lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT) về việc ra đời VietGAP. Ngày 28-1-2008 Bộ NN & PTNT đã phê chuẩn văn bản và VietGAP đã ra đời. Dù ra đời muộn, nhưng VietGAP đã thừa hưởng được kinh nghiệm của nhiều GAP trước, nên đã nhanh chóng phát huy tác dụng. Việc quy định những tiêu chuẩn chính trong sản xuất nông nghiệp của VietGAP là gì? Đó là 26 tiêu chuẩn và hiện đang tập trung vào 12 nội dung chính quy định để sản xuất nông nghiệp tốt như sau:

1. Đánh giá và lựa chọn vùng sản xuất
2. Giống và gốc ghép
3. Quản lý đất và giá thể
4. Phân bón và chất phụ gia
5. Nước tưới
6. Hóa chất (gồm phân vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật)
7. Thu hoạch và xử lý sau thu hoạch
8. Quản lý và xử lý chất thải
9. An toàn lao động
10. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm
11. Kiểm tra nội bộ

12. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

VietGAP là chương trình kiểm tra an toàn thực phẩm xuyên suốt từ A đến Z của dây chuyền sản xuất, được bắt đầu từ khâu chuẩn bị trang trại, canh tác đến khâu thu hoạch, sau thu hoạch, tồn trữ, kể cả các yếu tố liên quan như môi trường, các chất hóa học bảo vệ thực vật, bao bì và ngay cả điều kiện làm việc, phúc lợi của người lao động trong nông trại.

Dưới đây là tóm tắt sơ bộ một số điều kiện về đất đai, cơ sở vật chất yêu cầu để sản xuất và nhân lực:

a- Đất canh tác và giá thể (Phụ lục 1: Giá trị giới hạn tối đa cho phép của một số kim loại nặng trong đất, giá thể)

- Không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây ô nhiễm sản phẩm như: mùi, khói, bụi, chất thải, hóa chất độc hại từ hoạt động giao thông vận tải, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, sinh hoạt khu dân cư, bệnh viện, khu chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nghĩa trang.
- Đất cao, thoát nước thích hợp với sự sinh trưởng của rau.
- Cách ly với khu vực có chất thải công nghiệp và bệnh viện ít nhất là 2 km, với chất thải sinh hoạt thành phố ít nhất là 200 m.
- Đất không bị tồn dư hóa chất độc hại.
- Sử dụng nguồn nước tưới sạch từ sông, hồ không bị ô nhiễm hoặc phải qua xử lý.
- Sử dụng nước giếng khoan (đối với rau xà lách và các loại rau gia vị).
- Dùng nước sạch để pha phân bón lá và thuốc bảo vệ thực vật (BVTV).
- Hàm lượng các kim loại nặng trong đất, giá thể không vượt quá quy định
- Trường hợp đất có chứa kim loại nặng vượt giá trị tối đa cho phép thì phải có biện pháp cải tạo đất hoặc lựa chọn loài cây trồng, biện pháp canh tác phù hợp.

b- Nước tưới (Phụ lục 2: Giá trị giới hạn tối đa cho phép của một số kim loại nặng, vi sinh vật gây hại trong nước tưới đối với sản xuất rau, quả tươi)

- Sử dụng nguồn nước tưới từ sông không bị ô nhiễm hoặc phải qua xử lý.
- Sử dụng nước giếng khoan (đối với rau xà lách và các loại rau gia vị).
- Dùng nước sạch để pha phân bón lá và thuốc bảo vệ thực vật (BVTV).

c- Điều kiện trong quá trình sản xuất (giống, phân bón..)

- Sử dụng giống có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh, giống cây trồng bản địa đã được sản xuất, tiêu dùng, không gây độc cho người.
- Phải biết rõ lý lịch nơi sản xuất giống. Giống nhập nội phải qua kiểm dịch.
- Chỉ gieo trồng các loại giống tốt và trồng cây con khỏe mạnh, không mang nguồn sâu, mầm bệnh.
- Hạt giống trước khi gieo cần được xử lý hóa chất hoặc nhiệt để diệt nguồn sâu bệnh.
- Sử dụng phân bón có tên trong danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, đang có hiệu lực.
- Không được sử dụng trực tiếp phân tươi (chất thải của người, động vật). Trường hợp sử dụng các loại phân này phải được xử lý hoại mục và đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Có bể hoặc dụng cụ chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Bể hoặc dụng cụ chứa phải có đáy, mái che, đảm bảo không cho thuốc hóa học bảo vệ thực vật còn tồn dư phát tán ra bên ngoài.

d- Phân bón

- Tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục bón cho rau.
- Tuyệt đối không bón các loại phân chuồng chưa ủ hoai, không dùng phân tươi pha loãng nước để tưới.
- Sử dụng phân hoá học bón thúc vừa đủ theo yêu cầu của từng loại rau. Cần kết thúc bón trước khi thu hoạch ít nhất 15 ngày.

đ- Phòng trừ sâu bệnh.

Áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp Intergrated Pest Management - IPM

- Luân canh cây trồng hợp lý.
- Sử dụng giống tốt, chống chịu sâu bệnh và sạch bệnh.
- Chăm sóc theo yêu cầu sinh lý của cây (tạo cây khỏe).
- Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng.
- Sử dụng nhân lực bắt giết sâu.
- Sử dụng các chế phẩm sinh học trừ sâu bệnh hợp lý.
- Kiểm tra đồng ruộng phát hiện và kịp thời có biện pháp quản lý thích hợp đối với sâu, bệnh.
- Chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học khi thật cần thiết và theo các yêu cầu sau:
 - + Không sử dụng các loại thuốc cấm sử dụng cho rau.
 - + Chọn các thuốc có hàm lượng hoạt chất thấp, ít độc hại với thiên địch, các động vật khác và con người.
 - + Ưu tiên sử dụng các thuốc sinh học (thuốc có nguồn gốc từ vi sinh vật và thảo mộc).
 - + Tùy loại thuốc mà nông dân thực hiện theo hướng dẫn sử dụng và thời gian thu hoạch.

e- Sử dụng một số biện pháp khác

- Sử dụng nhà lưới, nhà kính để che chắn: nhà lưới, nhà kính có tác dụng hạn chế sâu, bệnh, cỏ dại, sương giá, nắng hạn, rút ngắn thời gian sinh trưởng của rau, ít dùng thuốc hóa học bảo vệ thực vật.
- Sử dụng màng nilon để phủ đất sẽ hạn chế sâu, bệnh, cỏ dại, tiết kiệm nước tưới, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

g- Thu hoạch

- Thu hoạch rau đúng độ chín, đúng theo yêu cầu của từng loại rau, loại bỏ lá già héo, trái bị sâu bệnh và dị dạng.
- Rửa kỹ rau bằng nước sạch, dùng bao túi sạch để chứa đựng.
- Nơi bảo quản, xử lý phân bón, tàn dư thực vật và nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ pha, bình bơm được che nắng mưa, cách ly với khu vực chứa sản phẩm, nguồn nước tưới.

f- Sơ chế và kiểm tra: Sau khi thu hoạch, rau sẽ được chuyển vào phòng sơ chế. Ở đây rau sẽ được phân loại, làm sạch. Rửa kỹ rau bằng nước sạch, dùng bao túi sạch để chứa đựng.

h- Vận chuyển:

- Sau khi đóng gói, rau sẽ được niêm phong và vận chuyển đến cửa hàng hoặc trực tiếp cho người sử dụng trong vòng 2 giờ để đảm bảo điều kiện vệ sinh và an toàn.

i- Bảo quản và sử dụng: Rau được bảo quản ở cửa hàng ở nhiệt độ 20⁰ C và thời gian lưu trữ không quá 2 ngày. Rau an toàn có thể sử dụng ngay không cần phải ngâm nước muối hay các chất làm sạch khác.

Để rau được ngon và tươi, khách hàng nên mua vừa đủ và sử dụng ngay trong ngày.

k- Hồ sơ lưu trữ: (Phụ lục 3: quy định mức giới hạn tối đa cho phép của một số vi sinh vật và hoá chất gây hại trong sản phẩm rau, quả, chè...) (*Ban hành kèm theo Quyết định số 99 /2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)

- Thông tin cần ghi chép và lưu giữ từ ngày sản xuất đến thu hoạch để truy xuất nguồn gốc gồm: Giống, gốc ghép: tên giống, nơi sản xuất, hoá chất xử lý và mục đích xử lý (nếu có). Phân bón: tên phân bón, nơi sản xuất, thời gian sử dụng, liều lượng, phương pháp bón, thời gian cách ly. Thuốc bảo vệ thực vật: tên dịch hại, tên thuốc, nơi mua, thời gian sử dụng, nồng độ, liều lượng, dụng cụ phun, người phun thuốc, thời gian cách ly. Sản phẩm: tên sản phẩm, ngày thu hoạch, mã số lô, khối lượng, tên và địa chỉ khách hàng.

l- Kiểm soát, đánh giá và yêu cầu về lao động:

- Người lao động phải có chứng chỉ tập huấn về an toàn thực phẩm trong sản xuất rau, quả.

- Cơ sở sản xuất phải có quy định nội bộ, trong đó sản xuất, thực hiện đánh giá và lập báo cáo đánh giá nội bộ ít nhất mỗi năm phân công rõ trách nhiệm duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình.

1.2. Lợi ích của VietGAP

Hiện nay ở Việt Nam, nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nông sản sạch và an toàn là rất lớn, vì vậy cần thiết phải áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất nông nghiệp để mang lại lợi ích lớn nhất cho nông dân và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm như:

- Tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao hơn, sản phẩm được công nhận theo tiêu chuẩn VietGAP được đánh giá cao, dễ dàng lưu thông trên thị trường Việt Nam và một số nước nhập khẩu. Làm tăng sự tin tưởng của khách hàng đối với thực phẩm, an toàn hơn, bảo vệ người tiêu dùng trước nguy cơ thực phẩm không tốt tới sức khỏe.

- Tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao thương hiệu của nhà sản xuất, chế biến và phân phối.

- Giúp tăng cường cho ngành chăn nuôi, trồng trọt bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và đảm bảo lợi ích cho toàn xã hội.

- Tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà: nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà quản lý...

- Khách hàng đã góp phần thay đổi thói quen sản xuất, cách suy nghĩ của nông dân cũng như doanh nghiệp về sản xuất nông nghiệp bền vững theo VietGAP.

Như vậy là ngoài hiệu quả kinh tế lâu dài thì sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức, tư tưởng và hành động của người nông dân, giúp họ hiểu được là trong sản xuất, kinh doanh, chất lượng sản phẩm mới là điều kiện tiên quyết và sống còn để duy trì sự phát triển. Không những thế, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP còn thúc đẩy sự kết nối giữa sản xuất với thị trường, từ đó mang lại lợi ích, thu nhập cao hơn cho người sản xuất, từng

bước xây dựng thương hiệu cho ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản an toàn, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng ở nước ta. Qua 6 năm triển khai đến người nông dân, VietGAP đã phát huy được những ưu thế của mình, góp phần không nhỏ vào nâng cao nhận thức của người dân về sản xuất thực phẩm an toàn, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Sau khi gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế WTO, ngành thương mại Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, trong đó đáng chú ý là lượng đầu tư trực tiếp và gián tiếp đều tăng mạnh so với trước. Tuy nhiên, lượng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra nước ngoài chưa được như kỳ vọng. Một phần nguyên nhân chính là hàng hóa của chúng ta vấp phải các quy định về tiêu chuẩn hàng hóa rất khắt khe của các nước nhập khẩu. Theo nhận định của các chuyên gia thì thị trường xuất, nhập khẩu nông sản trên thế giới đang được kiểm soát bởi những đại siêu thị, những tập đoàn đa quốc gia với các tiêu chuẩn rất cao về chất lượng sản phẩm cũng như vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đến nay, hàng trăm tổ chức, đơn vị, cá nhân đã có sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP và đang tham gia vào các dịch vụ buôn bán các sản phẩm nông sản ngang hàng với các nước trong khu vực và thế giới. Nhiều hộ nông dân, đặc biệt ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã thu được nhiều kết quả khả quan, như Thanh Long sạch, Xoài sạch, Quýt sạch đảm bảo đúng tiêu chuẩn Viet GAP, dần chiếm được lòng tin của người tiêu dùng. Năm 2015, sự kiện Vải thiều Việt Nam đã được chấp nhận vào thị trường của 6 nước phát triển trong đó có Mỹ, Nhật, Úc..., điều này đã giúp cho nông dân trồng vải phấn khởi, yên tâm và chuyên tâm vào sản xuất sản phẩm của mình.

Để xuất khẩu được Vải thiều vào 2 thị trường Mỹ và Úc thì vải Việt Nam phải trải qua nhiều quy định bắt buộc theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Phía Mỹ đã đưa ra danh sách một số loại sâu bệnh cụ thể, một số loại thuốc bảo vệ thực vật không được phép sử dụng trên vải. Ngược lại, Việt Nam cũng xây dựng xong bản đồ chiếu xạ (quy trình diệt khuẩn, làm sạch sản phẩm, nâng cao chất lượng và kéo dài thời gian bảo quản), với chi phí 0,6 đến 1 USD cho mỗi kg sản phẩm. Ngoài nước Mỹ và Úc ra thì Trung Quốc vẫn là thị trường truyền thống của dưa hấu, vải thiều, rau quả khác của Việt Nam, việc kiểm định ở các cửa khẩu cũng ngày một chặt chẽ hơn đối với các mặt hàng rau quả Việt Nam. Điều đó cho thấy VietGAP, GlobalGAP... rất quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển thị trường nông sản trong nước và quốc tế của nông nghiệp Việt Nam.

Mặc dù vậy nhưng VietGAP vẫn chưa tạo sự tin tưởng cho người tiêu dùng? Vì sao vậy? Phải chăng là do nhận thức của nông dân chưa đến nơi đến chốn, ý thức chưa cao và kiến thức chưa được trang bị đầy đủ về sử dụng phân vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật hợp lý. Mặt khác trong sản xuất còn thiếu chuỗi liên kết để kiểm tra và giám sát chất lượng, cho nên cho dù sản xuất nông nghiệp được tiến hành theo VietGAP từ nhiều năm nay, nhưng sản phẩm vẫn bị lẫn với sản xuất thông thường không VietGAP. Để khắc phục, nhà nước phải hỗ trợ cho nông dân thực hiện chuỗi liên kết trong sản xuất VietGAP hoặc thay đổi hướng mới theo sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chúng tôi tin tưởng rằng trong tương lai sẽ tạo ra các sản phẩm hữu cơ thật sự, đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

1.3. Sự khác nhau giữa sản xuất nông nghiệp theo VietGAP và hữu cơ:

1.3.1. Sự giống nhau:

Sản xuất nông nghiệp theo VietGAP và hữu cơ có điểm giống nhau cơ bản là đều hướng để tạo ra các loại nông sản tốt và an toàn cho người tiêu dùng, đồng thời phải an toàn cho người sản xuất, vật nuôi và bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn thiên địch có ích trong tự nhiên.

Phần lớn các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về đất đai, nguồn nước... và các tiêu chuẩn trong quy trình sản xuất cũng tương tự giống như nhau.

1.3.2. Sự khác nhau:

a- Sản xuất nông nghiệp hữu cơ khác biệt lớn nhất với VietGAP là hệ thống canh tác và chăn nuôi tự nhiên, không sử dụng hóa chất làm phân bón và thuốc trừ sâu, giúp giảm thiểu ô nhiễm, bảo đảm sức khỏe cho con người và vật nuôi. Mục tiêu hàng đầu của sản xuất nông nghiệp hữu cơ là tối đa hóa sức khỏe và năng suất của các cộng đồng độc lập về đời sống đất đai, cây trồng, vật nuôi và con người. Như vậy sự khác biệt rõ nhất giữa sản phẩm hữu cơ với sản phẩm VietGAP là tiêu chuẩn chính trong quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ người nông dân không được sử dụng phân bón vô cơ và các chất kích thích để tăng trưởng, không sử dụng các hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, bệnh hoặc diệt cỏ... Sản xuất nông nghiệp hữu cơ cũng từ chối việc sử dụng các sinh vật biến đổi gen GMO.

Còn trong quy trình sản xuất rau quả và sản phẩm nông nghiệp theo VietGAP vẫn sử dụng một số lượng nhất định thuốc trừ sâu và phân bón vô cơ, thức ăn tăng trọng và các chất kích thích trong chăn nuôi một cách hợp lý, ở đây khái niệm hợp lý là thế nào? Ai là người kiểm tra giám sát việc sử dụng này? Thực tế đến nay VietGAP vẫn chưa đảm bảo độ tin cậy cho người tiêu dùng bởi chính lí do này.

Nông dân canh tác theo mô hình nông nghiệp hữu cơ là dựa tối đa vào việc quay vòng mùa vụ, các phần thừa sau thu hoạch, phân động vật và việc canh tác cơ giới để duy trì năng suất đất nhằm cung cấp các chất dinh dưỡng cho cây trồng và kiểm soát cỏ dại, côn trùng hại cũng như các loại bệnh mới khác. Mục đích hàng đầu của sản xuất nông nghiệp hữu cơ là dù trong canh tác, chế biến, phân phối hay tiêu dùng đều nhằm duy trì sức khỏe cho các sinh vật trong hệ sinh thái, từ những sinh vật có kích thước nhỏ nhất sống trong đất đến con người, làm giảm tối thiểu các loại ô nhiễm do sản xuất gây ra. Duy trì sự đa dạng hóa gen trong hệ thống nông nghiệp hữu cơ và khu vực xung quanh nó, bao gồm việc bảo vệ thực vật và nơi cư ngụ của các thiên địch sống trong thiên nhiên tự nhiên hoang dã.

Nhìn chung sản xuất Nông nghiệp hữu cơ đã và sẽ cải thiện, duy trì cảnh quan tự nhiên và hệ sinh thái nông nghiệp, tránh việc khai thác quá mức gây ô nhiễm cho các nguồn lực tự nhiên, giảm thiểu việc sử dụng năng lượng và các nguồn lực không thể tái sinh, sản xuất đủ lương thực có dinh dưỡng, không độc hại, và có chất lượng cao... Ngoài ra, nông nghiệp hữu cơ còn đảm bảo, duy trì và gia tăng độ màu mỡ lâu dài cho đất, củng cố các chu kỳ sinh học trong nông trại, đặc biệt là các chu trình dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng dựa trên việc phòng ngừa thay cho cứu chữa, đa dạng các vụ mùa và các loại vật nuôi, phù hợp với điều kiện địa phương. Nông nghiệp hữu cơ không phải là phương thức mới mà là phương thức sản xuất cổ truyền từ xa xưa của cha ông ta, nay được cải tiến và vận dụng khoa học kỹ thuật mới để tạo ra sản phẩm có chất lượng, bảo đảm cho sức khỏe con người. Hiện nay, Nông nghiệp hữu cơ đang được